

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 55/2016/NQ-HĐND

Hà Giang, ngày 11 tháng 12 năm 2016

**NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Hà Giang**



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH  
KHOÁ XVII - KỲ HỌP THỨ BA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;  
Xét Tờ trình số 197/TTr-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Hà Giang; Báo cáo thẩm tra số 18/BC-KTNS ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khoá XVII, Kỳ họp thứ Ba thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2016; có hiệu lực thi hành từ ngày 21 tháng 12 năm 2016, được áp dụng từ năm ngân sách 2017 và thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2017 - 2020.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu - UBTVQH;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TTr. Tỉnh ủy; HĐND; UBND; UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh khóa XIV;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XVII;
- Các Sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh;
- TTr HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Hà Giang, Đài PTTH tỉnh;
- Công TTĐT; TT Công báo - tin học tỉnh;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**



**Thào Hồng Sơn**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY ĐỊNH**

**Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm  
phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Hà Giang**  
*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 55/2016/NQ-HĐND  
Ngày 11/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang)*

### **Chương I QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020 theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh.
2. Các Sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và các đơn vị trực thuộc Sở, ban, ngành; các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị có sử dụng NSNN.
3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.
4. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn.
5. Các tổ chức, cá nhân có liên quan.

#### **Điều 3. Nguyên tắc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương**

1. Phù hợp với phân cấp nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh đối với từng lĩnh vực và đặc điểm kinh tế, địa lý, dân cư, trình độ, năng lực quản lý của từng cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh.

2. Khuyến khích các cấp tăng cường quản lý thu, chi, chống thất thu; đảm bảo sự công khai, minh bạch, phát triển cân đối giữa các khu vực trên địa bàn để chủ động điều hành chi ngân sách thực hiện nhiệm vụ được giao cho mỗi cấp chính quyền. Riêng thành phố Hà Giang đảm bảo cân đối thu, chi ngân sách.

3. Hạn chế phân cấp cho nhiều cấp ngân sách đối với các nguồn thu có quy mô nhỏ.

4. Bảo đảm tỷ lệ % phân chia các khoản thu cho ngân sách cấp mình và ngân sách các cấp dưới không vượt quá tỷ lệ % phân chia quy định của cấp trên về từng khoản thu được phân chia.

5. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp chính quyền địa phương được ổn định trong giai đoạn 2017-2020. Các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách, căn cứ khả năng cân đối của ngân sách cấp tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định tăng thêm số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách huyện so với năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách. UBND các cấp căn cứ phân cấp

nguồn thu, nhiệm vụ chi được phân cấp, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu và mức bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên, chế độ, tiêu chuẩn định mức chi và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn để trình Hội đồng nhân dân cùng cấp dự toán thu, chi ngân sách và chủ động quản lý, điều hành dự toán thu, chi ngân sách đã được Hội đồng nhân dân quyết định.

6. Số bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới được xác định theo tiêu chí, nguyên tắc, định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương và các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách; khả năng của ngân sách cấp tỉnh và khả năng cân đối của ngân sách từng huyện, thành phố để hỗ trợ ngân sách các huyện, thành phố trong các trường hợp sau:

a) Thực hiện các chế độ, chính sách mới do Trung ương và tỉnh ban hành chưa được bố trí trong dự toán ngân sách của năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách; mức hỗ trợ cụ thể được xác định trên cơ sở khả năng cân đối của ngân sách có liên quan.

b) Thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, mục tiêu, dự án khác phân giao cho ngân sách cấp dưới thực hiện.

c) Hỗ trợ chi khắc phục thiên tai, thảm họa, dịch bệnh trên diện rộng, vượt quá khả năng cân đối của ngân sách cấp dưới, sau khi ngân sách cấp dưới đã sử dụng dự phòng nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu.

d) Hỗ trợ thực hiện các mục tiêu, công trình, dự án có ý nghĩa lớn đối với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, nằm trong quy hoạch và được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật về quản lý đầu tư xây dựng, ngân sách cấp dưới đã bố trí nhưng chưa đủ nguồn.

đ) Số bổ sung theo mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới được xác định theo từng năm. Việc sử dụng vốn, kinh phí bổ sung theo mục tiêu phải theo đúng mục tiêu quy định, trường hợp ngân sách cấp dưới sử dụng không đúng mục tiêu phải hoàn trả ngân sách cấp trên.

7. Nhiệm vụ chi thuộc ngân sách cấp nào do ngân sách cấp đó đảm bảo; việc ban hành và thực hiện chính sách, chế độ mới làm tăng chi ngân sách phải có giải pháp đảm bảo nguồn tài chính, phù hợp với khả năng cân đối của từng cấp ngân sách; việc quyết định đầu tư các chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước phải bảo đảm trong phạm vi ngân sách theo phân cấp.

8. Không được dùng ngân sách của cấp này để chi cho nhiệm vụ của cấp khác và không được dùng ngân sách của địa phương này để chi cho nhiệm vụ của địa phương khác, trừ trường hợp sau:

a) Ngân sách cấp dưới hỗ trợ cho các đơn vị thuộc cấp trên quản lý đóng trên địa bàn trong trường hợp cần khẩn trương huy động lực lượng cấp trên khi xảy ra thiên tai, thảm họa, dịch bệnh và các trường hợp cần thiết khác để đảm bảo ổn định tình hình kinh tế - xã hội, an ninh trật tự, an toàn xã hội của địa phương.

b) Các đơn vị cấp trên quản lý đóng trên địa bàn khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, kết hợp thực hiện một số nhiệm vụ theo yêu cầu của cấp dưới.

c) Sử dụng dự phòng ngân sách địa phương để hỗ trợ cho các địa phương khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa nghiêm trọng.

Trường hợp cơ quan quản lý nhà nước thuộc ngân sách cấp trên ủy quyền cho cơ quan quản lý nhà nước thuộc ngân sách cấp dưới thực hiện nhiệm vụ chi của mình thì phải phân bổ và giao dự toán cho cơ quan cấp dưới được ủy quyền để thực

hiện nhiệm vụ chi đó. Cơ quan nhận kinh phí ủy quyền phải quyết toán với cơ quan ủy quyền khoản kinh phí này.

9. Trong thời kỳ ổn định ngân sách:

a) Không thay đổi tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách, trừ trường hợp trung ương có quy định điều chỉnh khoản thu cá biệt.

b) Các địa phương được chủ động sử dụng nguồn tăng thu hàng năm mà ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp để tăng chi thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh.

Trường hợp đặc biệt có phát sinh khoản thu từ dự án mới đi vào hoạt động trong thời kỳ ổn định ngân sách làm ngân sách huyện, thành phố tăng thu lớn thì số tăng thu phải nộp về ngân sách cấp trên. Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét sử dụng số thu này theo yêu cầu, nhiệm vụ của địa phương.

**Điều 4. Tiêu thức phân cấp nguồn thu và phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương**

1. Đúng danh mục các khoản thu của ngân sách địa phương được hưởng theo quy định tại Điều 37, Luật Ngân sách Nhà nước.

2. Đúng theo quy định của Hệ thống Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

3. Tiêu thức phân chia chủ yếu theo địa bàn phát sinh khoản thu (*cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã*) và nội dung kinh tế của khoản thu; phân cấp quản lý thu của cơ quan thuế. Ngoài ra thực hiện phân chia theo sắc thuế từ một số hoạt động sản xuất kinh doanh theo lĩnh vực như: thủy điện, xổ số kiến thiết...

4. Tăng tỷ lệ phần trăm (%) các khoản thu ngân sách cấp huyện được hưởng để phát triển kinh tế đối với vùng động lực theo Nghị quyết của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVI.

## Chương II

### NGUỒN THU, NHIỆM VỤ CHI CỦA NGÂN SÁCH CẤP TỈNH

**Điều 5. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm giữa ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh**

1. Thu phạt vi phạm an toàn giao thông.

2. Thu cấp quyền khai thác khoáng sản do trung ương cấp phép.

**Điều 6. Các khoản thu ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%**

1. Thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân nộp thuế do Cục Thuế quản lý.

2. Thuế thu nhập doanh nghiệp từ các đơn vị trung ương đóng chân trên địa bàn tỉnh, các doanh nghiệp nhà nước địa phương (*bao gồm hoạt động xổ số kiến thiết*) và các tổ chức sản xuất kinh doanh khác do Cục Thuế quản lý (*trừ doanh nghiệp do Cục thuế quản lý có chi nhánh tại các huyện, thành phố hạch toán độc lập*).

3. Thuế GTGT của doanh nghiệp Trung ương trên địa bàn.

4. Thuế bảo vệ môi trường (*trừ thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu*) đối với các tổ chức do Cục Thuế quản lý.

5. Thu tiền sử dụng đất trên địa bàn khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy, huyện Vị Xuyên; cửa khẩu Xín Mần, huyện Xín Mần (*để đầu tư trở lại khu vực cửa khẩu*).

6. Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước đối với tổ chức do Cục Thuế quản lý.

7. Các khoản thu hồi vốn ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế (bao gồm cả gốc và lãi); thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty TNHH hai thành viên trở lên có góp vốn của nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các Quỹ của doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu.

8. Thu tiền thuê và bán tài sản thuộc sở hữu nhà nước của cấp tỉnh.

9. Thu từ bán tài sản nhà nước thuộc cấp tỉnh quản lý, kể cả thu từ chuyên nhượng quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất do các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập, các công ty TNHH một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu đơn vị hoặc doanh nghiệp mà có vốn của ngân sách địa phương tham gia trước khi thực hiện cổ phần hóa, sắp xếp lại và các đơn vị, tổ chức khác thuộc địa phương quản lý.

10. Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp, khí thải, chất thải rắn.

11. Phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu.

12. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện (trừ phí bảo vệ môi trường), trường hợp được cấp có thẩm quyền cho khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công cấp tỉnh thực hiện, sau khi trừ phần được trích lại để bù đắp chi phí theo quy định của pháp luật. Phần được khấu trừ, trích để lại bù đắp chi phí theo quy định của pháp luật không thuộc phạm vi thu, chi ngân sách.

13. Lệ phí do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện thu (gồm lệ phí môn bài).

14. Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính (trừ phạt vi phạm an toàn giao thông), phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do cơ quan nhà nước cấp tỉnh quyết định thực hiện xử phạt, tịch thu.

15. Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu nhà nước do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc tỉnh quản lý, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật.

16. Tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa.

17. Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh.

18. Huy động, đóng góp từ các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật cho cấp tỉnh.

19. Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước cho cấp tỉnh.

20. Thu từ quỹ dự trữ tài chính địa phương.

21. Thu kết dư ngân sách cấp tỉnh.

22. Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang của ngân sách cấp tỉnh.

23. Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương.

24. Các khoản thu khác của cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.

### **Điều 7. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ % giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp huyện**

1. Thuế giá trị gia tăng thu từ các tổ chức sản xuất kinh doanh khác trên địa bàn thành phố Hà Giang (trừ doanh nghiệp trung ương, tổ chức sản xuất kinh doanh thủy điện, thuế giá trị gia tăng từ hoạt động xổ số kiến thiết).

2. Thuế tiêu thụ đặc biệt hoạt động xổ số kiến thiết trên địa bàn thành phố.
3. Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản.
4. Thu cấp quyền khai thác khoáng sản do tỉnh cấp phép.

### **Điều 8. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh**

#### 1. Chi đầu tư phát triển:

a) Đầu tư xây dựng cơ bản cho các dự án do cấp tỉnh quyết định đầu tư theo phân cấp quản lý đầu tư XDCCB thuộc các lĩnh vực: giáo dục - đào tạo, khoa học và công nghệ, y tế, văn hóa - thông tin, phát thanh truyền hình, thể dục thể thao, môi trường, kinh tế, đảm bảo xã hội, quản lý hành chính.

b) Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của tỉnh theo quy định của pháp luật; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

c) Đối ứng vốn đầu tư thực hiện các dự án ODA.

d) Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết ngân sách tỉnh được hưởng.

đ) Chi đầu tư phát triển trong các Chương trình mục tiêu Quốc gia, chương trình, mục tiêu do cấp tỉnh thực hiện theo phân cấp quản lý vốn đầu tư.

e) Hỗ trợ xây dựng, cải tạo và sửa chữa trụ sở làm việc, trại tạm giam, nhà tạm giữ của Công an tỉnh theo khả năng cân đối của ngân sách tỉnh.

f) Hỗ trợ xây dựng căn cứ chiến đấu, căn cứ hậu phương, công trình phòng tránh, công trình chiến đấu; xây dựng, sửa chữa nâng cấp Sở chỉ huy, các công trình chiến đấu và phục vụ chiến đấu, trụ sở làm việc, doanh trại, kho tàng, trường quân sự của Bộ chỉ huy quân sự, Bộ chỉ huy bộ đội biên phòng tỉnh theo phân cấp tỉnh quản lý và khả năng cân đối của ngân sách tỉnh.

g) Các khoản chi khác của cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.

#### 2. Chi thường xuyên:

a) Nhiệm vụ chi thuộc lĩnh vực quốc phòng:

- Xây dựng và hoạt động của khu vực phòng thủ tỉnh; tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh theo phê duyệt của Quân khu.

- Tổ chức, huy động lực lượng dự bị động viên.

- Hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ: Đảm bảo kinh phí thực hiện nhiệm vụ của dân quân tự vệ và huy động dân quân tự vệ của cấp tỉnh theo quy định của pháp luật; đảm bảo trang phục cho lực lượng dân quân nòng cốt toàn tỉnh theo quy định của Luật Dân quân tự vệ.

- Đảm bảo chế độ, chính sách đối với sĩ quan dự bị theo quy định của pháp luật.

- Công tác phòng không nhân dân.

- Hoạt động của Hội đồng nghĩa vụ quân sự và tuyển quân tỉnh và Ban chỉ đạo diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh.

- Công tác giáo dục quốc phòng - an ninh và bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho cán bộ lãnh đạo chủ chốt tại Trường Quân sự tỉnh theo quy định của Chính phủ về Giáo dục quốc phòng do cấp tỉnh triệu tập.

- Đào tạo cán bộ quân sự xã, phường, thị trấn.

- Công tác quản lý, bảo vệ biên giới; sửa chữa, bảo dưỡng tuần tra biên giới, biển báo biên giới, công trình bảo vệ cột mốc biên giới thuộc phạm vi tỉnh quản lý.

- Hỗ trợ tổ chức phong trào toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia trong tình hình mới.

- Hỗ trợ mua sắm, sửa chữa các loại trang bị, phương tiện hoạt động, phương tiện vận tải cho cơ quan quân sự tỉnh theo khả năng cân đối của ngân sách tỉnh.

- Một số nội dung chi khác thuộc nhiệm vụ của tỉnh theo phân cấp quản lý.

b) Nhiệm vụ chi thuộc lĩnh vực an ninh và trật tự an toàn xã hội:

- Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc.

- Quản lý vận chuyển, sử dụng vũ khí, chất nổ, chất dễ cháy, chất độc, chất phóng xạ và quản lý các ngành kinh doanh đặc biệt theo quy định của pháp luật.

- Quản lý việc cư trú, đi lại của người nước ngoài tại địa phương.

- Tổ chức diễn tập, phòng chống khủng bố, cứu hộ, cứu nạn, phòng cháy, chữa cháy theo kế hoạch của tỉnh.

- Hỗ trợ công tác phòng, chống ma túy và tội phạm; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng, chống tội phạm buôn bán người; phòng, chống tham nhũng, chống buôn lậu, gian lận thương mại.

- Đào tạo công an cấp xã, công an viên thôn và trang phục cho lực lượng công an cấp xã, công an viên thôn, tổ dân phố.

- Hỗ trợ mua sắm trang thiết bị, phương tiện nghiệp vụ, trang thiết bị phòng cháy chữa cháy theo khả năng cân đối của ngân sách tỉnh.

- Một số nội dung chi khác thuộc nhiệm vụ của tỉnh theo phân cấp quản lý.

c) Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề do cơ quan tỉnh quản lý:

- Các trường trung học phổ thông, trung học cơ sở và Trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Hà Giang, Trường THCS&THPT Phương Tiến, Trường THCS&THPT Tùng Bá, Trường phổ thông dân tộc nội trú THPT tỉnh.

- Trung tâm giáo dục thường xuyên - hướng nghiệp tỉnh Hà Giang.

- Đào tạo cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, đào tạo nghề, đào tạo lại, đào tạo ngắn hạn và các hình thức bồi dưỡng như: Quản lý Nhà nước từ ngạch chuyên viên, đào tạo tiền công vụ cho công chức dự bị, tin học văn phòng, bồi dưỡng giảng viên, bồi dưỡng các đoàn thể, chính trị, ngoại ngữ, tập huấn và bồi dưỡng khác do cấp tỉnh thực hiện.

- Đào tạo cán bộ, công chức, viên chức tại nước ngoài theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện vận chuyển, cấp gạo hỗ trợ cho học sinh vùng đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

- Các hoạt động giáo dục, đào tạo khác do tỉnh quản lý.

d) Sự nghiệp y tế, bao gồm: phòng bệnh, chữa bệnh, BHYT cho các đối tượng được NSNN đóng và hỗ trợ đóng, dân số kế hoạch hóa gia đình, Quỹ khám chữa bệnh cho người nghèo và các hoạt động y tế khác do cấp tỉnh quản lý.

đ) Sự nghiệp văn hóa - thông tin, bao gồm bảo tồn, bảo tàng, thư viện, biểu diễn nghệ thuật, chiếu phim và các hoạt động văn hóa khác do cấp tỉnh thực hiện.

e) Sự nghiệp phát thanh - truyền hình, bao gồm phát thanh, truyền hình, truyền hình tiếng dân tộc, Thuê dịch vụ công nghệ thông tin, thuê bao kênh vệ tinh, và các hoạt động khác do cấp tỉnh thực hiện.

f) Sự nghiệp thể dục - thể thao bao gồm bồi dưỡng, huấn luyện huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển cấp tỉnh, các giải thi đấu cấp tỉnh và các giải thi đấu cấp khu vực, quốc gia; quản lý các cơ sở thi đấu thể dục thể thao và các hoạt động thể dục, thể thao khác do cấp tỉnh thực hiện.

g) Sự nghiệp khoa học và công nghệ: nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, thực hiện các đề tài, đề án khoa học theo kế hoạch tỉnh phê duyệt, thực hiện kế hoạch đột phá về khoa học kỹ thuật của tỉnh.

h) Sự nghiệp bảo vệ môi trường do cấp tỉnh thực hiện, gồm: Điều tra, quan trắc hiện trạng môi trường, các tác động đối với môi trường; hỗ trợ đối với các dự án xử lý ô nhiễm môi trường nghiêm trọng do cấp tỉnh phê duyệt; hỗ trợ dự án xử lý chất thải cho bệnh viện, cơ sở y tế, trường học, cơ sở giam giữ của Nhà nước do tỉnh quản lý không có nguồn thu hoặc nguồn thu thấp; hỗ trợ mua phương tiện vận chuyên thu gom rác thải, vệ sinh môi trường; hỗ trợ các dự án, đề án về bảo vệ môi trường theo quyết định của tỉnh và thực hiện một số hoạt động khác về bảo vệ môi trường theo nhiệm vụ tỉnh giao.

i) Sự nghiệp kinh tế, gồm:

- Sự nghiệp giao thông: Duy tu, bảo dưỡng thường xuyên và sửa chữa cầu đường và các công trình giao thông khác; lập biển báo và các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trên các tuyến đường tỉnh quản lý.

- Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi, ngư nghiệp và lâm nghiệp: Duy tu, bảo dưỡng thường xuyên các công trình thủy lợi, trại nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; công tác khuyến lâm, khuyến nông, khuyến ngư; khoanh nuôi, bảo vệ, phòng chống cháy rừng, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, bảo vệ thực vật, thú y do cấp tỉnh thực hiện; thực hiện chính sách cấp bù miễn thu thủy lợi phí đối với diện tích thuộc tỉnh quản lý. Thực hiện các chính sách hỗ trợ, các đề án, phương án, kế hoạch do tỉnh ban hành thuộc lĩnh vực nông lâm nghiệp.

- Sự nghiệp địa chính: Điều tra cơ bản, đo đạc địa giới hành chính; đo vẽ bản đồ; đo đạc, lập bản đồ và lưu trữ hồ sơ địa chính và các hoạt động sự nghiệp địa chính khác do cấp tỉnh thực hiện.

- Công tác quản lý tài nguyên, hoạt động điều tra cơ bản về nước và khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện các nhiệm vụ, dự án quy hoạch do cấp tỉnh phê duyệt.

- Hoạt động khuyến công, xúc tiến thương mại du lịch, xúc tiến đầu tư do đơn vị cấp tỉnh thực hiện, chính sách khuyến khích phát triển du lịch của HĐND tỉnh.

- Đối ứng kinh phí sự nghiệp thực hiện các dự án ODA.

- Cấp bù lỗ sản phẩm dịch vụ công ích cho các doanh nghiệp công ích.

- Đảm bảo toàn bộ hoặc một phần kinh phí hoạt động của các đơn vị sự nghiệp thuộc sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác.

- Các sự nghiệp kinh tế khác.

k) Chi đảm bảo xã hội, bao gồm các trung tâm đảm bảo đối với các đối tượng xã hội; cứu đói, trợ giúp thường xuyên, trợ cấp đột xuất trong trường hợp vượt quá

khả năng cân đối của ngân sách cấp huyện; phòng chống các tệ nạn xã hội và các chính sách an sinh xã hội khác cho các đối tượng bảo trợ xã hội, thăm hỏi, tặng quà các đối tượng chính sách xã hội do tỉnh trực tiếp thăm và tặng quà; chúc thọ 90 và 100 tuổi.

l) Hoạt động của tổ chức chính trị, cơ quan quản lý Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; hỗ trợ chi hoạt động của các tổ chức xã hội, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp theo nhiệm vụ do cấp tỉnh giao; chi ứng dụng công nghệ thông tin, cải cách hành chính do cấp tỉnh thực hiện.

m) Hỗ trợ cho các cơ quan, tổ chức thuộc cấp tỉnh thực hiện xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật.

n) Trích lập Quỹ thi đua khen thưởng

o) Các khoản chi thường xuyên khác do cấp tỉnh thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Chi trả gốc, lãi, phí và chi phí phát sinh khác từ các khoản tiền do chính quyền cấp tỉnh cho vay.

4. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương.

5. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách cấp tỉnh.

6. Chi bổ sung cân đối, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện.

7. Chi hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại tiết a, b, c, khoản 9 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015.

8. Chi bổ sung các quỹ tài chính ngoài ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

9. Chi ủy thác cho vay và hoạt động của các Quỹ của tỉnh.

10. Trợ giá xuất bản báo Đảng và các tạp chí khác theo quy định của Nhà nước.

11. Chi thường xuyên trong các Chương trình mục tiêu Quốc gia, chương trình, mục tiêu do các đơn vị dự toán cấp tỉnh thực hiện.

12. Chi hoàn trả ngân sách cấp trên.

13. Các khoản chi khác của cấp tỉnh theo quy định của pháp luật, bao gồm chi trả các khoản thu năm trước...

### **Chương III**

## **NGUỒN THU, NHIỆM VỤ CHI CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN**

### **Điều 9. Các khoản thu của ngân sách cấp huyện**

1. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm giữa ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp tỉnh: Thực hiện theo Điều 7 của Quy định này.

2. Các khoản thu ngân sách cấp huyện hưởng 100%:

a) Thuế thu nhập cá nhân thu từ cá nhân kinh doanh, cá nhân nộp thuế do Chi cục Thuế quản lý.

b) Thuế thu nhập doanh nghiệp từ tổ chức sản xuất kinh doanh khác trừ đối tượng quy định tại khoản 2, Điều 6.

c) Thu tiền sử dụng đất trên địa bàn các huyện (trừ khu vực cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy, cửa khẩu Xín Mần).

d) Thuế tài nguyên (*trừ thuế tài nguyên thu từ sản phẩm rừng tự nhiên và thuế tài nguyên khoáng sản khác thu từ cá nhân SXKD trên địa bàn xã, phường, thị trấn*).

đ) Thuế giá trị gia tăng từ hoạt động xổ số kiến thiết, tổ chức sản xuất kinh doanh thủy điện, tổ chức sản xuất kinh doanh khác (*trừ thuế giá trị gia tăng thu từ các tổ chức do Cục Thuế quản lý trên địa bàn thành phố*).

e) Thuế tiêu thụ đặc biệt (*trừ thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu; thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hoạt động xổ số kiến thiết trên địa bàn thành phố*).

g) Thuế bảo vệ môi trường từ hàng hóa (*trừ hàng hóa nhập khẩu*) do Chi cục Thuế quản lý.

h) Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt.

i) Lệ phí trước bạ các loại tài sản khác (*trừ nhà, đất*); lệ phí môn bài của tổ chức sản xuất kinh doanh trên địa bàn xã, thị trấn và của tổ chức, cá nhân kinh doanh ở phường do Chi cục Thuế quản lý.

k) Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước đối với tổ chức, cá nhân do Chi cục Thuế quản lý.

l) Thu tiền đền bù thiệt hại đất, thu khác từ quỹ đất.

m) Thu tiền thuê và bán tài sản thuộc sở hữu nhà nước của chính quyền cấp huyện.

n) Thu từ bán tài sản nhà nước thuộc cấp huyện quản lý.

o) Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước cấp huyện thực hiện (*trừ phí bảo vệ môi trường*), trường hợp được cấp có thẩm quyền cho khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công cấp huyện thực hiện, sau khi trừ phần được trích lại để bù đắp chi phí theo quy định của pháp luật. Phần được khấu trừ, trích để lại bù đắp chi phí theo quy định của pháp luật không thuộc phạm vi thu, chi ngân sách.

p) Lệ phí do các cơ quan nhà nước cấp huyện thực hiện thu (*trừ lệ phí trước bạ, lệ phí môn bài*).

q) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính (*trừ phạt vi phạm an toàn giao thông*), phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do cơ quan nhà nước cấp huyện quyết định thực hiện xử phạt, tịch thu.

s) Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu nhà nước do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc cấp huyện quản lý, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật.

t) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho các cơ quan, đơn vị cấp huyện.

u) Huy động, đóng góp từ các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật cho cấp huyện.

v) Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước cho cấp huyện.

x) Thu kết dư ngân sách cấp huyện.

y) Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang của ngân sách cấp huyện.

w) Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh.

z) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 10. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm giữa ngân sách thành phố với ngân sách phường**

1. Lệ phí trước bạ nhà, đất trên địa bàn phường.
2. Thuế giá trị gia tăng từ cá nhân sản xuất kinh doanh trên địa bàn phường.
3. Thuế tài nguyên khoáng sản khác thu từ cá nhân sản xuất kinh doanh trên địa bàn phường.

### **Điều 11. Nhiệm vụ chi của ngân sách huyện, thành phố**

#### 1. Chi đầu tư phát triển:

a) Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội không có khả năng thu hồi vốn do huyện, thành phố quản lý theo phân cấp quản lý vốn đầu tư. Riêng thành phố Hà Giang được phân cấp thêm nhiệm vụ chi đầu tư xây dựng các trường phổ thông công lập các cấp (*trừ trường THPT, trường THCS&THPT do cấp tỉnh phê duyệt đầu tư*), điện chiếu sáng, cấp thoát nước, giao thông đô thị, vệ sinh đô thị và các công trình phúc lợi công cộng khác.

b) Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách thành phố được hưởng theo phân cấp.

c) Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết ngân sách thành phố được hưởng theo phân cấp.

d) Chi đầu tư các Chương trình mục tiêu Quốc gia, chương trình, mục tiêu do ngân sách huyện, thành phố thực hiện theo phân cấp quản lý vốn đầu tư.

đ) Hỗ trợ xây dựng, sửa chữa các công trình chiến đấu và phục vụ chiến đấu, trụ sở làm việc, doanh trại của cơ quan quân sự cấp huyện theo khả năng cân đối của ngân sách huyện, thành phố.

e) Hỗ trợ xây dựng, cải tạo và sửa chữa trụ sở làm việc, nhà tạm giữ của cơ quan công an huyện theo khả năng cân đối của ngân sách thành phố.

f) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

#### 2. Chi thường xuyên:

a) Nhiệm vụ chi thuộc lĩnh vực quốc phòng:

- Hoạt động của khu vực phòng thủ cấp huyện; tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ huyện, thành phố theo phê duyệt của tỉnh.

- Công tác giáo dục quốc phòng - an ninh do cấp huyện tổ chức.

- Thực hiện đăng ký quân nhân dự bị; huấn luyện dân quân tự vệ, kiểm soát sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu do cấp huyện tổ chức.

- Tổ chức và hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ và huy động dân quân tự vệ của cấp huyện theo quy định của pháp luật.

- Công tác đối ngoại và quản lý và bảo vệ biên giới, bảo vệ cột mốc và an ninh biên giới.

- Hỗ trợ mua sắm, sửa chữa các loại trang bị, phương tiện hoạt động theo khả năng cân đối của ngân sách huyện, thành phố.

- Riêng thành phố Hà Giang thêm nhiệm vụ chi tổ chức huấn luyện lực lượng tự vệ thuộc các cơ quan khối tỉnh đóng trên địa bàn thành phố.

- Một số nội dung chi khác thuộc nhiệm vụ của huyện theo phân cấp quản lý.

b) Nhiệm vụ chi thuộc lĩnh vực an ninh và trật tự an toàn xã hội:

- Phòng, chống tham nhũng, chống buôn lậu, gian lận thương mại; tổ chức thực hiện phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc tại cấp huyện, xã.

- Tổ chức diễn tập, phòng chống khủng bố, cứu hộ, cứu nạn, phòng cháy, chữa cháy và hội thao phòng cháy chữa cháy theo kế hoạch của huyện.

- Thực hiện phong trào quần chúng phòng cháy, chữa cháy.

- Hỗ trợ mua sắm trang thiết bị, phương tiện nghiệp vụ, phương tiện phòng cháy chữa cháy theo khả năng cân đối của ngân sách huyện, thành phố.

- Tổ chức quản lý, bảo vệ biên giới.

- Hỗ trợ phòng, chống ma túy và tội phạm; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng, chống tội phạm buôn bán người.

- Một số nội dung chi khác thuộc nhiệm vụ của huyện theo phân cấp quản lý.

c) Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề do cấp huyện quản lý:

- Các trường trung học phổ thông, trung học cơ sở và trung học phổ thông trên địa bàn huyện (*trừ thành phố Hà Giang*).

- Giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú cấp huyện.

- Trung tâm giáo dục thường xuyên - giáo dục nghề nghiệp huyện.

- Đào tạo nghề; đào tạo, bồi dưỡng cho đối tượng cán bộ chuyên trách và công chức xã, bồi dưỡng cho các đối tượng cán bộ thôn, tổ dân phố và những người hoạt động không chuyên trách cấp xã. Đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện theo nhiệm vụ; bồi dưỡng kiến thức về: Lý luận chính trị, ngoại ngữ, tin học văn phòng; tập huấn và bồi dưỡng khác do cấp huyện thực hiện.

- Chế độ, chính sách hỗ trợ đối với học sinh các cấp học theo phân cấp quản lý và quy định hiện hành của trung ương và của tỉnh như: Nghị định số 116/2016/NĐ-CP, Nghị định số 86/2015/NĐ-CP, Quyết định 60/QĐ-TTg, Quyết định 239/QĐ-TTg, Quyết định 2123/QĐ-TTg.

- Khen thưởng của ngành giáo dục (*do UBND cấp huyện và Phòng Giáo dục quyết định khen thưởng*).

- Hỗ trợ xây dựng nhỏ, sửa chữa lớn cơ sở vật chất trường lớp học, bao gồm trường đạt chuẩn quốc gia, trường phổ thông dân tộc bán trú theo khả năng cân đối ngân sách hàng năm.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục và đào tạo.

- Thực hiện bảo quản gạo hỗ trợ cho học sinh vùng đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

- Các hoạt động giáo dục, đào tạo khác do cấp huyện thực hiện.

d) Sự nghiệp y tế bao gồm: Công tác phòng bệnh, khám, chữa bệnh, các trạm y tế xã, phường, thị trấn, trung tâm dân số kế hoạch hóa và gia đình; công tác tiêm chủng mở rộng và các hoạt động thuộc sự nghiệp y tế khác do cấp huyện thực hiện (*trừ kinh phí đóng và hỗ trợ đóng BHYT cho các đối tượng*).

d) Các hoạt động sự nghiệp văn hóa, thông tin, du lịch, thông tin lưu động và các hoạt động khác thuộc lĩnh vực văn hóa thông tin do cơ quan cấp huyện quản lý; hoạt động của đội văn nghệ quần chúng.

e) Sự nghiệp phát thanh, truyền hình: Hoạt động phát thanh, truyền hình và các hoạt động khác do cấp huyện thực hiện.

f) Sự nghiệp thể dục, thể thao: Các hoạt động thể dục, thể thao (*gồm luyện tập, thi đấu*) do cấp huyện thực hiện.

g) Sự nghiệp môi trường do cấp huyện phê duyệt và thực hiện, gồm:

- Thu gom, vận chuyển, xử lý giảm thiểu, tái chế, xử lý chất thải, rác thải. Vận hành hoạt động các bãi chôn lấp chất thải hợp vệ sinh.
- Hỗ trợ dự án xử lý chất thải cho bệnh viện, cơ sở y tế, trường học.
- Đầu tư, mua sắm trang thiết bị, phương tiện thu gom chất thải, rác thải, vệ sinh môi trường.
- Hỗ trợ các dự án về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh do khai thác khoáng sản.
- Một số hoạt động khác về bảo vệ môi trường do cấp huyện quản lý.

h) Sự nghiệp kinh tế, gồm:

- Sự nghiệp giao thông: Duy tu, bảo dưỡng thường xuyên, đảm bảo giao thông, sửa chữa cầu, đường, cống, rãnh và biện pháp đảm bảo an toàn giao thông trên các tuyến đường do huyện quản lý, trong đó có bảo dưỡng thường xuyên thực hiện dự án đường địa phương LRAMP.

- Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi, ngư nghiệp và lâm nghiệp: Duy tu, bảo dưỡng, quản lý, sửa chữa thường xuyên các công trình thủy lợi, trại nông nghiệp, lâm nghiệp; công tác khuyến lâm, khuyến nông; khoanh nuôi, bảo vệ, phòng chống cháy rừng, hoạt động thú y do huyện quản lý; thực hiện cấp bù miễn thu thủy lợi phí (*phần diện tích giao cho cấp huyện quản lý*), chính sách hỗ trợ đất trồng lúa.

- Sự nghiệp tài nguyên, địa chính: Quản lý tài nguyên, khoáng sản, thống kê; lập quy hoạch, kế hoạch về tài nguyên và môi trường và tổ chức thực hiện; Lập quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai xã, phường, thị trấn; tổ chức thực hiện giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển quyền sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đối tượng thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện; lập và quản lý hồ sơ địa chính; tổ chức thực hiện các dịch vụ công trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

- Sự nghiệp kiến thiết thị chính: Duy tu, bảo dưỡng hệ thống điện chiếu sáng, vỉa hè, hệ thống cấp thoát nước công cộng, giao thông nội thị, công viên, cây xanh và sự nghiệp thị chính khác trên địa bàn đô thị, thị trấn. Riêng thành phố Hà Giang bổ sung thêm nhiệm vụ chi sửa chữa cải tạo vỉa hè, hệ thống đèn chiếu sáng, giao thông nội thị, công viên, cây xanh của phường.

- Thực hiện các nhiệm vụ, dự án quy hoạch do cấp huyện phê duyệt.

- Hoạt động khuyến công, xúc tiến thương mại du lịch, xúc tiến đầu tư do đơn vị cấp huyện thực hiện.

- Thực hiện các chính sách hỗ trợ theo quy định của trung ương và của tỉnh.

- Đảm bảo toàn bộ hoặc một phần kinh phí hoạt động của các đơn vị sự nghiệp thuộc sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác cấp huyện.

- Các sự nghiệp kinh tế khác.

i) Đảm bảo xã hội phần ngân sách cấp huyện đảm bảo, bao gồm: Cứu đói, trợ giúp thường xuyên, trợ cấp đột xuất; thực hiện chính sách đối với người có uy tín; phòng chống các tệ nạn xã hội và các chính sách an sinh xã hội khác cho các đối tượng bảo trợ xã hội và các hoạt động xã hội khác trên địa bàn (*bao gồm chi thăm hỏi, tặng quà các đối tượng người có công với cách mạng*); đóng BHYT cho các

đối tượng bảo trợ xã hội; thực hiện chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số.

k) Hoạt động của tổ chức chính trị, các cơ quan quản lý Nhà nước, các tổ chức Chính trị - xã hội cấp huyện; hỗ trợ chi hoạt động của các tổ chức xã hội, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp theo nhiệm vụ do cấp huyện giao; chi ứng dụng công nghệ thông tin, cải cách hành chính do cấp huyện thực hiện.

l) Hỗ trợ cho các cơ quan, tổ chức thuộc cấp huyện thực hiện xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật.

m) Trích lập Quỹ thi đua khen thưởng.

n) Các khoản chi thường xuyên khác do cấp huyện thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Chi tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, rà soát, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật.

4. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách cấp huyện.

5. Chi bổ sung cân đối, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã.

6. Chi hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại điểm a, b và điểm c, Khoản 9 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015.

7. Chi thường xuyên trong các Chương trình mục tiêu Quốc gia, chương trình, mục tiêu do cấp huyện thực hiện.

8. Chi hoàn trả ngân sách cấp trên.

9. Các khoản chi khác của ngân sách cấp huyện theo quy định của pháp luật.

#### Chương IV

#### NGUỒN THU, NHIỆM VỤ CHI CỦA NGÂN SÁCH CẤP XÃ

##### Điều 12. Các khoản thu ngân sách xã, thị trấn hưởng 100%

1. Thuế sử dụng đất nông nghiệp.

2. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp.

3. Thuế tài nguyên thu từ sản phẩm rừng tự nhiên và tài nguyên khoáng sản khác thu từ cá nhân sản xuất kinh doanh trên địa bàn xã, thị trấn.

4. Thuế giá trị gia tăng từ cá nhân sản xuất kinh doanh trên địa bàn xã, thị trấn.

5. Lệ phí trước bạ nhà, đất trên địa bàn xã, thị trấn.

6. Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ sản xuất kinh doanh trên địa bàn xã, thị trấn.

7. Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác (nếu có).

8. Thu tiền thuê và bán tài sản thuộc sở hữu nhà nước của xã, thị trấn.

9. Thu từ bán tài sản nhà nước thuộc xã, thị trấn quản lý.

10. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do xã, thị trấn thực hiện (trừ phí bảo vệ môi trường).

11. Lệ phí do xã, thị trấn thực hiện thu (trừ lệ phí trước bạ, lệ phí môn bài).

12. Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính (trừ phạt vi phạm an toàn giao thông), phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do chính quyền xã, thị trấn quyết định thực hiện xử phạt, tịch thu.

13. Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu nhà nước do xã, thị trấn quản lý, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật.

14. Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho xã, thị trấn.

15. Huy động, đóng góp từ các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật cho xã, thị trấn.

16. Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước cho xã, thị trấn.

17. Thu kết dư ngân sách xã, thị trấn.

18. Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang của ngân sách xã, thị trấn.

19. Thu bổ sung từ ngân sách cấp huyện.

20. Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 13. Các khoản thu ngân sách phường được hưởng**

1. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm giữa ngân sách thành phố và ngân sách phường: Thực hiện theo Điều 10 của Quy định này.

2. Các khoản thu ngân sách phường hưởng 100%:

a) Thuế sử dụng đất nông nghiệp.

b) Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp.

c) Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác (*nếu có*).

d) Thu tiền thuê và bán tài sản thuộc sở hữu nhà nước của phường.

đ) Thu từ bán tài sản nhà nước thuộc phường quản lý.

e) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho phường.

g) Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do phường thực hiện (*trừ phí bảo vệ môi trường*).

h) Lệ phí do phường thực hiện thu (*trừ lệ phí trước bạ, lệ phí môn bài*).

i) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính (*trừ phạt vi phạm an toàn giao thông*), phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do chính quyền phường quyết định thực hiện xử phạt, tịch thu.

k) Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu nhà nước do phường quản lý, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật.

l) Huy động, đóng góp từ các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật cho phường.

m) Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước cho phường.

n) Thu kết dư ngân sách phường.

o) Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang của ngân sách phường.

p) Thu bổ sung từ ngân sách thành phố.

q) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 14. Nhiệm vụ chi của ngân sách xã, phường, thị trấn**

1. Chi đầu tư phát triển:

a) Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội không có khả năng thu hồi vốn theo phân cấp đầu tư xây dựng cơ bản cho cấp xã.

b) Chi đầu tư phát triển trong các Chương trình mục tiêu Quốc gia, chương trình, mục tiêu do ngân sách cấp xã thực hiện theo phân cấp quản lý vốn đầu tư.

c) Chi đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng từ nguồn vượt thu của ngân sách xã, phường, thị trấn.

d) Chi đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của xã từ nguồn huy động đóng góp trực tiếp của các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật, nguồn tài trợ, viện trợ của các tổ chức, cá nhân cho cấp xã.

đ) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

## 2. Chi thường xuyên:

a) Chi hoạt động của các cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng, các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã (*bao gồm chế độ đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, thôn, tổ dân phố*); hỗ trợ chi hoạt động của các tổ chức xã hội, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp theo nhiệm vụ do cấp xã giao; kinh phí hoạt động của thôn, tổ dân phố (*triển khai công việc của thôn hoặc triển khai vận động nhân dân thực hiện phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa; tổ chức ngày hội đại đoàn kết dân tộc; chi hỗ trợ cho công tác sơ kết, tổng kết của tổ dân vận và thôn; biểu dương thành tích cá nhân thực hiện tốt các phong trào, các cuộc vận động do Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc phát động*); chi ứng dụng công nghệ thông tin, cải cách hành chính do cấp xã thực hiện.

b) Đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho cán bộ không chuyên trách xã, thôn và đối tượng khác theo chế độ quy định.

c) Chi công tác an ninh, quốc phòng theo phân cấp quản lý:

- Thực hiện công tác huấn luyện dân quân, chế độ phụ cấp cán bộ dân quân theo Luật Dân quân tự vệ, thực hiện đăng ký nghĩa vụ quân sự và các khoản chi khác về dân quân tự vệ thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã theo quy định của pháp luật.

- Hoạt động của lực lượng dân quân thường trực sẵn sàng chiến đấu

- Đảm bảo hoạt động của công an xã, hoạt động của bảo vệ dân phố; chi phụ cấp cho công an viên thôn, tổ dân phố và công an viên thường trực tại xã trọng điểm về an ninh quốc phòng theo Nghị quyết của HĐND tỉnh.

- Tổ chức phong trào bảo vệ an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã.

- Thực hiện tuyển quân, đón tiếp quân nhân hoàn thành nghĩa vụ trở về.

- Đối với các xã, thị trấn biên giới: chi cho nhiệm vụ quản lý, bảo vệ cột mốc và an ninh biên giới.

d) Đảm bảo xã hội: Trợ cấp cán bộ xã nghỉ việc theo Nghị định số 119/2005/NĐ-CP (*không kể trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc và trợ cấp thôi việc 1 lần cho cán bộ xã nghỉ việc từ ngày 01/01/1998 trở về sau do tổ chức bảo hiểm xã hội chi*); tặng quà chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi theo Quyết định số 2664/2011/QĐ-UBND của UBND tỉnh; thực hiện chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người nghèo theo Quyết định 102/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ

đ) Chi hoạt động văn hoá, thông tin, thể dục thể thao do cấp xã quản lý.

e) Sự nghiệp giáo dục: Hỗ trợ sửa chữa nhỏ các trường học trên địa bàn xã, phường, thị trấn; Hỗ trợ hoạt động thường xuyên các Trung tâm học tập cộng đồng mức (*gồm chi phụ cấp cho cán bộ làm công tác quản lý tại các Trung tâm*).

g) Sự nghiệp y tế: Hỗ trợ chi thường xuyên cho các trạm y tế; chi trả phụ cấp nhân viên y tế thôn bản (*trừ tổ dân phố*) theo Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg ngày 11/5/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

h) Sự nghiệp kinh tế:

- Duy tu bảo dưỡng thường xuyên đường giao thông xã quản lý;

- Sửa chữa, cải tạo, bảo dưỡng các công trình do xã, thị trấn quản lý theo phân cấp quản lý của Ủy ban nhân dân cấp huyện. Riêng ngân sách thị trấn có thêm nhiệm vụ chi sửa chữa, cải tạo vỉa hè, đường phố nội thị, điện chiếu sáng, công viên, cây xanh... theo nhiệm vụ do cấp huyện giao.

- Chi cho các hoạt động phát triển nông, lâm, ngư nghiệp và duy tu, bảo dưỡng các công trình thủy lợi do cấp xã, phường, thị trấn thực hiện; khoanh nuôi, bảo vệ diện tích rừng do xã quản lý.

i) Chi tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật trên địa bàn; xây dựng, quản lý, khai thác tủ sách pháp luật của cấp xã.

k) Trích lập Quỹ thi đua khen thưởng.

l) Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách cấp xã.

4. Chi hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại tiết a, b, c, khoản 9 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015.

5. Chi thường xuyên trong các Chương trình mục tiêu Quốc gia, chương trình, mục tiêu do cấp xã thực hiện.

6. Chi hoàn trả ngân sách cấp trên.

7. Các khoản chi khác của ngân sách cấp xã theo quy định của pháp luật.

**Điều 15. Quy định tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Hà Giang** (*Có Phụ lục đính kèm theo*)

## Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### Điều 16.

Quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các ngành, các cấp phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp ./.

**CHỦ TỊCH**



**Thảo Hồng Sơn**

## PHỤ LỤC

**Tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2017 - 2020**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 55/2016NQ-HĐND ngày 11/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang)

STT	NỘI DUNG KHOẢN THU	Tỷ lệ phân chia các khoản thu NSNN (%)			
		NSTW	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã
<b>1</b>	<b>Thuế thu nhập cá nhân</b>				
a	Cá nhân-nộp thuế do Cục Thuế quản lý		100		
b	Cá nhân kinh doanh, cá nhân nộp thuế do Chi cục Thuế quản lý			100	
<b>2</b>	<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp (trừ thuế TNDN từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí)</b>				
a	Thuế TNDN từ các đơn vị Trung ương		100		
b	DNNN địa phương (bao gồm hoạt động xổ số kiến thiết)		100		
-	Tổ chức do Cục Thuế quản lý (trừ doanh nghiệp do Cục thuế quản lý có chi nhánh tại các huyện, thành phố hạch toán độc lập)		100		
-	Tổ chức do Chi cục Thuế quản lý; doanh nghiệp do Cục thuế quản lý có chi nhánh tại các huyện, thành phố hạch toán độc lập			100	
c	Tổ chức SXKD khác:				
-	Tổ chức do Cục Thuế quản lý		100		
-	Tổ chức do Chi cục Thuế quản lý			100	
<b>3</b>	<b>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</b>				<b>100</b>
<b>4</b>	<b>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</b>				<b>100</b>
<b>5</b>	<b>Thu tiền sử dụng đất</b>				
a	Trên địa bàn khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy huyện Huyện Vị Xuyên, cửa khẩu Xín Mần huyện Xín Mần (đầu tư trở lại Cửa khẩu)		100		
b	Trên địa bàn còn lại			100	
<b>6</b>	<b>Thuế tài nguyên</b>				
a	Nước thủy điện; khoáng sản kim loại; khoáng sản quý hiếm; khoáng sản phi kim loại; thủy sản			100	



STT	NỘI DUNG KHOẢN THU	Tỷ lệ phân chia các khoản thu NSNN (%)			
		NSTW	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã
b	Sản phẩm rừng tự nhiên				100
c	Tài nguyên khoáng sản khác				
-	Thu từ các tổ chức SXKD			100	
-	Thu từ cá nhân SXKD				
+	Địa bàn xã, thị trấn				100
+	Địa bàn phường			70	30
<b>7</b>	<b>Thuế giá trị gia tăng</b>				
a	Thuế GTGT từ hàng nhập khẩu	100			
b	Doanh nghiệp Trung ương		100		
c	Tổ chức SX kinh doanh thủy điện:			100	
d	Thuế GTGT từ hoạt động xổ số kiến thiết			100	
d	Từ các tổ chức SXKD khác				
-	Trên địa bàn thành phố Hà Giang				
+	Tổ chức do Cục Thuế quản lý		40	60	
+	Tổ chức do Chi cục Thuế quản lý			100	
-	Trên địa bàn các huyện còn lại			100	
e	Từ cá nhân SXKD				
-	Địa bàn xã, thị trấn				100
-	Địa bàn phường			70	30
<b>8</b>	<b>Thuế tiêu thụ đặc biệt</b>				
a	Hàng hóa nhập khẩu	100			
b	Hoạt động XSKT trên địa bàn thành phố		50	50	
c	Hoạt động XSKT trên địa bàn huyện			100	
d	Các hoạt động SXKD khác			100	
<b>9</b>	<b>Thuế xuất khẩu</b>	<b>100</b>			
<b>10</b>	<b>Thuế nhập khẩu</b>	<b>100</b>			
<b>11</b>	<b>Thuế bảo vệ môi trường</b>				
a	Hàng hóa nhập khẩu	100			
b	Các hàng hóa còn lại				

STT	NỘI DUNG KHOẢN THU	Tỷ lệ phân chia các khoản thu NSNN (%)			
		NSTW	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã
-	Tổ chức do Cục Thuế quản lý		100		
-	Tổ chức do Chi cục Thuế quản lý			100	
<b>12</b>	<b>Phí, lệ phí</b>				
a	Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn huyện, thành phố			100	
b	Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp, khí thải, chất thải rắn		100		
c	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản		40	60	
d	Phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu		100		
đ	Lệ phí trước bạ:				
-	Lệ phí trước bạ nhà, đất địa bàn phường			50	50
-	Lệ phí trước bạ nhà, đất địa bàn xã, thị trấn				100
-	Lệ phí trước bạ các loại tài sản khác			100	
e	Lệ phí môn bài:				
-	Tổ chức do Cục Thuế quản lý		100		
-	Tổ chức, cá nhân do Chi cục Thuế quản lý				
+	Từ các tổ chức SXKD ở xã, thị trấn			100	
+	Từ cá nhân, hộ SXKD ở xã, thị trấn				100
+	Thu tổ chức, cá nhân kinh doanh ở phường			100	
g	Các loại phí, lệ phí còn lại				
-	Đơn vị thuộc Trung ương thu	100			
-	Đơn vị cấp tỉnh thu		100		
-	Đơn vị cấp huyện thu			100	
-	Đơn vị cấp xã thu				100
<b>13</b>	<b>Thu cấp quyền khai thác khoáng sản</b>				
a	Trung ương cấp phép	70	30		
b	Tỉnh cấp phép		70	30	
<b>14</b>	<b>Thu xử phạt vi phạm hành chính (trừ vi phạm an toàn giao thông), phạt, tịch thu khác</b>				



STT	NỘI DUNG KHOẢN THU	Tỷ lệ phân chia các khoản thu NSNN (%)			
		NSTW	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã
a	Cơ quan nhà nước cấp tỉnh quyết định		100		
b	Cơ quan nhà nước cấp huyện quyết định			100	
c	Cơ quan nhà nước cấp xã quyết định				100
<b>15</b>	<b>Thu xử phạt vi phạm an toàn giao thông</b>				
a	Cấp tỉnh thu	70	30		
b	Cấp huyện thu	70		30	
c	Cấp xã thu	70			30
<b>16</b>	<b>Thu tiền thuê và bán tài sản thuộc sở hữu Nhà nước</b>				
a	Tài sản thuộc quản lý của tỉnh		100		
b	Tài sản thuộc quản lý cấp huyện			100	
c	Tài sản thuộc quản lý cấp xã				100
<b>17</b>	<b>Các khoản thu hồi vốn ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế (bao gồm cả gốc và lãi); thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty TNHH hai thành viên trở lên có góp vốn của nhà nước do UBND tỉnh đại diện chủ sở hữu; thu phần</b>		<b>100</b>		
<b>18</b>	<b>Thu tiền bán tài sản nhà nước</b>				
a	Tài sản của tỉnh		100		
b	Tài sản của cấp huyện			100	
c	Tài sản của cấp xã				100
<b>19</b>	<b>Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu Nhà nước</b>				
a	Tài sản của tỉnh		100		
b	Tài sản của cấp huyện			100	
c	Tài sản của cấp xã				100
<b>20</b>	<b>Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước</b>				
a	Đối với tổ chức do Cục Thuế quản lý		100		
b	Đối với tổ chức, cá nhân do Chi cục Thuế quản lý			100	
<b>21</b>	<b>Thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa</b>		<b>100</b>		

STT	NỘI DUNG KHOẢN THU	Tỷ lệ phân chia các khoản thu NSNN (%)			
		NSTW	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã
<b>22</b>	<b>Thu khác từ quỹ đất</b>				
a	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác				100
b	Thu tiền đền bù thiệt hại đất			100	
c	Khác			100	
<b>23</b>	<b>Các khoản huy động, đóng góp của các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật</b>				
a	Huy động, đóng góp cho cấp tỉnh		100		
b	Huy động, đóng góp cho cấp huyện			100	
c	Huy động, đóng góp cho cấp xã				100
<b>24</b>	<b>Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân</b>				
a	Đóng góp cho cấp tỉnh		100		
b	Đóng góp cho cấp huyện			100	
c	Đóng góp cho cấp xã				100
<b>25</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>				
a	Cấp tỉnh		100		
b	Cấp huyện			100	
c	Cấp xã				100
<b>26</b>	<b>Thu từ các khoản hoàn trả giữa các cấp ngân sách</b>				
a	Cấp tỉnh		100		
b	Cấp huyện			100	
c	Cấp xã				100
<b>27</b>	<b>Thu từ Quỹ Dự trữ tài chính</b>		100		
<b>28</b>	<b>Thu kết dư ngân sách năm trước</b>				
a	Cấp tỉnh		100		
b	Cấp huyện			100	
c	Cấp xã				100
<b>29</b>	<b>Các khoản thu khác</b>				
a	Đơn vị cấp tỉnh thu, nộp NS cấp tỉnh		100		
b	Đơn vị cấp huyện thu, nộp NS cấp huyện			100	
c	Đơn vị cấp xã thu, nộp NS cấp xã				100

NH  
H  
GI

STT	NỘI DUNG KHOẢN THU	Tỷ lệ phân chia các khoản thu NSNN (%)			
		NSTW	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã
<b>30</b>	<b>Thu viện trợ không hoàn lại</b>				
a	Trực tiếp cho tỉnh		100		
b	Trực tiếp cho cấp huyện			100	
c	Trực tiếp cho cấp xã				100
<b>31</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>				
a	Chuyển nguồn của cấp tỉnh		100		
b	Chuyển nguồn của cấp huyện			100	
c	Chuyển nguồn của cấp xã				100